

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/DS-PT

Ngày 20 - 01 - 2022

V/v tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà : Ông Trịnh Hữu Bình

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Trung

Ông Đặng Văn Hùng

- Thư ký phiên toà: Bà Huỳnh Bích Nhân - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên toà:
Bà Trần Hương Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Trà Vinh mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 66/2021/TLPT-DS ngày 03 tháng 11 năm 2021 về việc tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2021/DS-ST ngày 17 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 35/2022/QĐ-PT ngày 06 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Kim M, sinh năm 1959; địa chỉ ấp Tà B, xã Đ, huyện Di, tỉnh T (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Lưu Văn Đ - Văn phòng luật sư Nguyễn T1-HG thuộc Đoàn luật sư tỉnh H và Luật sư Nguyễn Tấn L - Văn phòng luật sư N thuộc Đoàn luật sư tỉnh T (có mặt).

- Bị đơn: Bà Kim Thị Sa R, sinh năm 1949; địa chỉ R (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Anh Thạch L (Thạch S), sinh năm 1976; địa chỉ R, theo văn bản ủy quyền ngày 10/4/2017 (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Thạch T2, sinh năm 1942 (chồng bà Sa R, vắng mặt);
2. Anh Thạch R2, sinh năm 1961 (con bà Sa R, vắng mặt);
3. Chị Thạch Thị Sa M, sinh năm 1973 (con bà Sa R, vắng mặt);
4. Anh Thạch L (Thạch S), sinh năm 1976 (con bà Sa R, có mặt);
5. Anh Thạch R, sinh năm 1977 (con bà Sa R, vắng mặt);
6. Chị Thạch Thị Sa M1, sinh năm 1979 (con bà Sa R, vắng mặt);

7. Anh Thạch Đa N (Thạch N), sinh năm 1995 (con bà Sa R, vắng mặt);
Cùng địa chỉ: R.

Người đại diện hợp pháp của ông Thạch T2, anh Thạch R2, chị Thạch Thị Sa M, anh Thạch R, chị Thạch Thị Sa M1, anh Thạch Đa Ni: Anh Thạch L (Thạch S), sinh năm 1976; địa chỉ R (có mặt).

8. Anh Thạch Nc Đ (Thạch S), sinh năm 1974 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

9. Anh Thạch P, sinh năm 1983 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

10. Chị Lý Thị P1, sinh năm 1985 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

11. Ông Kiên T3, sinh năm 1979 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

12. Chị Kim Thị Bích T4, sinh năm 1995 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: R

13. Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh T;

Người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân huyện Trà Cú: Ông Lê Thanh Bình, chức vụ: Chủ tịch; địa chỉ khóm 5, thị trấn Trà Cú, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Kim Thị Sa R là bị đơn trong vụ án.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/02/2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 14/12/2017 và quá trình tố tụng nguyên đơn ông Kim M trình bày:*

Ông bà nội của ông tên Kim T5 (Kim T6, chết năm 1997) và Kim Thị N (chết năm 1982) có 01 người con chung tên Kim N1 (cha ruột ông, chết năm 1969). Ông Kim N1 có 01 người con duy nhất là ông.

Sau khi cụ N chết, cụ T5 cưới cụ Thạch Thị S (chết năm 2009) không có con chung, có 01 người con nuôi tên Kim Thị Sa R. Trong thời gian chung sống cụ T5 và cụ S có tạo lập được một số tài sản gồm: Thửa đất số 318, 319 và 320 (tư liệu năm 1983), nay là thửa đất 652 diện tích 6.350m², thửa 568 diện tích 6.530m², thửa 569 diện tích 500m² (tư liệu năm 1995), tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp L, xã A, huyện C, tỉnh T. Năm 1994 ông Thạch T2 (chồng bà Kim Thị Sa R) kê khai đăng ký các thửa đất nêu trên, đến năm 1995 thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Thạch T2 đại diện hộ đứng tên. Năm 1997, cụ T5 qua đời không để lại di chúc, toàn bộ thửa đất này hộ ông Thạch T2 tiếp tục quản lý và sử dụng đến nay.

Nay ông chỉ yêu cầu bà Kim Thị Sa R phải chia cho ông một phần đất diện tích 3.182m² thuộc một phần thửa đất 652 diện tích 6.350m², tờ bản đồ số 04, đất tọa lạc tại ấp L, xã A, huyện C, tỉnh T. Ông yêu cầu được nhận giá trị đất số tiền 206.830.000 đồng (diện tích đất 3.182m² x 65.000 đồng/m²). Đối với các thửa đất khác mà cụ T5 để lại và căn nhà hộ bà Sa R đang ở thì ông thống nhất để hộ bà Sa R tiếp tục quản lý, sử dụng, ông không yêu cầu chia. Ngoài ra, ông không có yêu cầu gì thêm.

** Theo bản tự khai ngày 12/4/2017 và trong quá trình tố tụng người đại diện hợp pháp của bị đơn là anh Thạch L (Thạch S) trình bày:*

Nguồn gốc thửa đất 652 diện tích 6.350m², tờ bản đồ số 04, đất tọa lạc tại R là của cha mẹ anh là ông Thạch T2 và bà Kim Thị Sa R khi sống chung với ông ngoại là

cụ Kim T5 cùng nhau tạo lập (trước giải phóng năm 1975). Đến khi nhà nước lập tập đoàn, đưa đất vào tập đoàn sản xuất thì cha mẹ của anh cũng trực tiếp canh tác đất này. Sau khi bãi tập đoàn nhà nước trả lại đất thì cha mẹ anh tiếp tục canh tác đến năm 1995 cha của anh kê khai đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, việc ông ngoại Kim T5 đứng tên trong sổ bộ năm 1983 vì lúc đó ông ngoại là chủ hộ chung hộ khẩu với gia đình anh. Hiện tại, thửa 652 cha mẹ anh đang canh tác $\frac{1}{2}$ diện tích và $\frac{1}{2}$ diện tích đất còn lại cho em gái Thạch Thị Sa M1 canh tác. Đối với toàn bộ cây dừa trên đất do cha mẹ của anh trồng không phải do cụ Kim T5 trồng. Gia đình anh không biết ông Kim M là ai, không biết ông M có phải là cháu nội của cụ T5 hay không, ông M và người làm chứng chỉ trình bày bằng miệng, không có tài liệu, chứng cứ khoa học nào để khẳng định ông M là cháu của cụ T5, thực tế ông M không từng sống chung với gia đình anh ngày nào. Từ trước đến nay ông chỉ biết ông bà ngoại chỉ có 01 người con là mẹ ông Kim Thị Sa R. Bà R sống chung với ông bà ngoại từ nhỏ cho đến khi ông bà ngoại chết. Thửa đất 652, cha anh là ông Thạch T2 được cấp quyền sử dụng đất hợp pháp, không còn là di sản của cụ T5 nữa. Việc ông Kim M khởi kiện yêu cầu chia thừa kế là không có căn cứ, gia đình ông không đồng ý theo yêu cầu của ông Kim M.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2021/DS-ST ngày 17/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện C đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Kim M về việc yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật giá trị quyền sử dụng đất diện tích 3.182 m² (trong tổng diện tích 6.350m²) thuộc thửa 652, tờ bản đồ số 04, đất tọa lạc tại ấp L, xã A, huyện C, tỉnh T bằng ($3.182 \text{ m}^2 \times 65.000 \text{ đồng/m}^2 = 206.830.000 \text{ đồng}$).

2. Xác định quyền sử dụng đất diện tích 6.350m² thuộc thửa 652, tờ bản đồ số 04, đất tọa lạc tại ấp L, xã A, huyện C, tỉnh T là di sản của cụ Kim T5 để lại.

Giao cho bà Kim Thị Sa R được quyền quản lý và sử dụng diện tích 3.182m² thuộc một phần của thửa 652, tờ bản đồ số 04, đất tọa lạc tại ấp L, xã A, huyện C, tỉnh T.

Buộc bà Kim Thị Sa R phải có trách nhiệm chia giá trị quyền sử dụng đất diện tích 3.182 m² thuộc một phần thửa 652, tờ bản đồ số 04, đất tọa lạc tại ấp L, xã A, huyện C, tỉnh T là di sản của cụ Kim T5 cho ông Kim M một kỷ phần được hưởng bằng tiền bằng 206.830.000 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên vị trí tứ cận thửa đất tranh chấp, chi phí tố tụng, nghĩa vụ chịu án phí, quyền kháng cáo và quyền thỏa thuận, tự nguyện, yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29/6/2021 bị đơn bà Kim Thị Sa R và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thạch T2 kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Kim M, đất tranh là của gia đình ông bà nên ông bà không đồng ý chia thừa kế.

Ngày 13/7/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh T kháng nghị đề nghị sửa Bản án sơ thẩm số 06/2021/DS-ST ngày 17/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Viện kiểm sát giữ nguyên kháng nghị. Các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

** Ý kiến Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Kim M với đại diện của bị đơn anh Thạch L đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, cụ thể: Anh Thạch L chấp nhận chia cho ông Kim M giá trị một suất thừa kế mà ông M yêu cầu chia thừa kế là 160.000.000 đồng và bị đơn tự nguyện chịu các chi phí xem xét, thẩm định và định giá số tiền 4.449.192 đồng. Ông Kim M cũng đồng ý nhận số tiền thừa kế 160.000.000 đồng. Đây là sự tự nguyện của hai bên, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

- Thẩm phán thụ lý vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự đã tuân thủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xác định nguồn gốc thửa đất 652 diện tích 6.350m², tọa lạc tại ấp L, xã A, huyện C, tỉnh T là của cụ Kim T5 là đúng vì cụ Kim T5 (chết năm 1989) có con là Kim N1 (chết năm 1969), ông Kim N1 có con ruột là ông Kim M, ông Kim M yêu cầu chia thừa kế thế vị là đúng. Thời hiệu thừa kế còn, khi xét xử cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu chia giá trị cho ông Kim M là đúng. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, nguyên đơn ông Kim M và đại diện bị đơn anh Thạch L thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án: Anh L đại diện bị đơn tự nguyện chia cho ông Kim M giá trị một suất thừa kế là 160.000.000 đồng và tự nguyện chịu các chi phí xem xét, thẩm định và định giá số tiền 4.449.192 đồng. Nguyên đơn ông Kim M cũng thống nhất nhận số tiền 160.000.000 đồng. Các vị Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cũng thống nhất sự thỏa thuận này của các đương sự, nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm công nhận diện tích 3.182m² một phần thừa kế của thửa 652 cho bà Kim Thị Sa R là không đúng vì đất này cấp cho hộ ông Thạch T2, nên cần phải tuyên giao cho hộ ông Thạch T2 tiếp tục quản lý, sử dụng.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát sửa án sơ thẩm, tuyên hộ ông Thạch T2 được tiếp tục sử dụng diện tích 3.182m² năm một phần trong thửa 652.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định đúng quan hệ tranh chấp, thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền. Đơn kháng cáo của bà Kim Thị Sa R và ông Thạch T2 còn trong hạn luật định được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy: Ông Kim M khởi kiện yêu cầu chia thừa kế thửa đất 652 và chỉ xin được hưởng giá trị đất, giao đất cho gia đình bà Sa R và ông Thạch T2 tiếp tục quản lý sử dụng nên không cần thiết hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định là đúng pháp luật. Tuy nhiên, đất tranh chấp cấp cho hộ ông Thạch T2, nhưng khi tuyên án Tòa án cấp sơ thẩm chỉ tuyên giao phần đất diện tích 3.182m² thuộc một phần thửa 652 cho bà Kim Thị Sa R được quyền quản lý và sử dụng là thiếu sót. Thiếu sót này của cấp sơ thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm cần sửa lại cho đúng quy định của pháp luật để đảm bảo việc thi hành án. Do đó, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh T là có cơ sở chấp nhận.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Kim M và đại diện hợp pháp của bị đơn là anh Thạch L thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, cụ thể: Anh Thạch L tự nguyện chia cho nguyên đơn ông Kim M giá trị một suất thừa kế bằng 160.000.000 đồng và tự nguyện chịu các chi phí xem xét, thẩm định và định giá số tiền 4.449.192 đồng, nguyên đơn ông Kim M thống nhất nhận số tiền thừa kế 160.000.000 đồng và không có yêu cầu gì khác. Hội đồng xét xử thấy sự thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, nên công nhận sự thỏa thuận này của các đương sự.

[4] Ý kiến của các vị Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[5] Kháng nghị của Viện kiểm sát và ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí phúc thẩm: Bà Kim Thị Sa R và ông Thạch T2 là người đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và ông Kim M là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh T, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2021/DS-ST ngày 17/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Tuyên xử:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa nguyên đơn ông Kim M với bị đơn bà Kim Thị Sa R do anh Thạch L là người đại diện hợp pháp.

Hộ ông Thạch T2 và bà Kim Thị Sa R có nghĩa vụ giao cho ông Kim M số tiền của một suất thừa kế bằng 160.000.000 đồng (*một trăm sáu mươi triệu đồng*).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Hộ ông Thạch T2 và Kim Thị Sa R được tiếp tục quản lý và sử dụng diện tích 3.182m² thuộc một phần của thửa 652, tờ bản đồ số 04, đất tọa lạc tại ấp L, xã A, huyện C, tỉnh T.

(*Vị trí đất thể hiện kèm theo Công văn số 96/CV-CNVPĐKĐĐ ngày 29/8/2017 của Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh huyện Trà Cú*).

3. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm cho ông Kim M, bà Kim Thị Sa R và ông Thạch T2.

4. Các quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Hữu Bình

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thành Trung

Đặng Văn Hùng

Trịnh Hữu Bình

